

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 7 Biển, xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh Ph, sinh năm 1994 (vắng có đơn đề nghị XX vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bàn A, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17/7/2019 và chị M trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Ngọc M và anh Ph chung sống với nhau như vợ chồng tháng 9 năm 2017 âm lịch đến nay không đăng kết hôn. Thời gian chung sống không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, nhưng chị vẫn nhẫn nhịn để vợ chồng sống hạnh phúc, khi chị mang thai được 4 tháng thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, cha mẹ hai bên cũng có tổ chức hoà giải nhưng không mang lại kết quả cho nên chị và anh Ph thật sự ly thân nhau tháng 01/2019 cho đến nay. Trong thời gian chung sống chị và anh Ph có 01 đứa con chung tên Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày

28/5/2018, hiện nay chị M nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng; tài sản và nợ chị Mai xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2019 anh Võ Thanh Ph trình bày; anh Ph và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/2017 âm lịch, cho đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì Ngọc M không tôn trọng cha mẹ anh, bỏ nhà đi lúc nào thì đi nhưng anh không hề nói, ngày 01/3/2018 Ngọc M tự động gom quần áo và điện thoại kêu cha mẹ sang rút về, anh cũng không ý kiến gì, trong thời gian chị M về bên gia đình bên cha mẹ chị M, anh đến rước chị Ngọc M về nhưng chị Ngọc M không về. Nay làm đơn xin ly hôn với anh, xét thấy tình cảm giữa anh và chị M không duy trì được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu Ngọc M nêu ra. Về con thì trong thời gian chung sống anh và chị M có 01 đứa con chung tên Nguyễn Bảo Ngọc, sinh tháng 5/2018 (do sinh ra bên vợ nên Ngọc M lấy họ của Ngọc M là họ Nguyễn) từ khi sinh con ra cho đến nay thì Ngọc M nuôi, anh đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh không cấp dưỡng, về tài sản: anh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn: chị Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xin được ly hôn với anh Ph, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản và nợ; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngọc M yêu cầu xin được ly hôn với anh Ph, về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị M khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh Ph, cư trú và làm ăn sinh sống tại ấp Bần A, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Ph biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị M khởi kiện ly hôn đối với anh và yêu cầu được nuôi con, anh Ph có làm bản

tự khai đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị M không yêu cầu Hoàn phiên tòa nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị M và anh Ph chung sống với nhau như vợ chồng năm 2017 đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã một trong hai người cư trú*). Nay chị M xin được ly hôn với anh Ph. Như vậy hôn nhân của anh chị là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị M phải xin ly hôn với anh Ph, như vậy hôn nhân giữa chị M và anh Ph áp dụng giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 ghi “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*” Điều 53 ghi: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này*”. Do đó mặc dù chị M và Ph thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng không thể ghi nhận mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Thanh Ph là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, chị M và anh Ph tự xác định có 01 đứa con chung tên Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 28/5/2018. Sau khi ly hôn giao con cho chị M nuôi (*hiện nay chị Mai đang nuôi cháu Ngọc*), chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị M xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Thanh Ph là vợ chồng.

2. **Về con chung:** Giao con chung của chị M và anh Ph tên Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 28/5/2018 cho chị M nuôi dưỡng. (hiện nay chị M đang nuôi cháu Ngọc),

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Nên không xem xét.

4. **Về tài sản chung và nợ:** Chị M xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0007460 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Mai đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/11/2019. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê